

NGUYỄN THẾ VINH

# NAM CAO

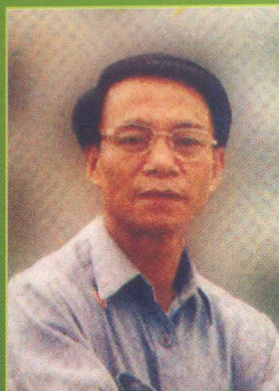
## NHỮNG MẠCH NGUỒN VĂN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN



8 935077 118629



## NGUYỄN THẾ VINH

Quê: Song Lãng, Vũ Thư, Thái Bình  
Ủy viên BCH Hội Nhà báo Hà Nam  
Ban biên tập Tạp chí Sông Châu

HUY CHƯƠNG VÌ SỰ NGHIỆP  
BÁO CHÍ VIỆT NAM  
HUY CHƯƠNG VÌ SỰ NGHIỆP  
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

### GIẢI THƯỞNG ỦY BAN TOÀN QUỐC LIÊN HIỆP CÁC HỘI VHNT VIỆT NAM

- Nam Cao - Những mạch nguồn văn (1998)
- Tiếng chim gọi mùa  
Thơ & Trường ca Đồng chiêm (2000)

### GIẢI THƯỞNG VHNT NGUYỄN KHUYẾN (Tỉnh Nam Hà - Hà Nam)

830.72.233

NGUYỄN THẾ VINH **Nam Cao**

**NHỮNG MẠCH NGUỒN VĂN**

NAM CAO

NHỮNG MẠCH NGUỒN VĂN

THƯ VIỆN  
TỈNH HÀ NAM

315

THƯ VIỆN TỈNH HÀ NAM  
Đ. Trần Phú - P. Quang Trung  
TP. Phủ Lý - T. Hà Nam

THƯ VIỆN TỈNH HÀ NAM  
Đ. Trần Phú - P. Quang Trung  
TP. Phủ Lý - T. Hà Nam

HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM - THÔNG TIN  
LƯU ANH  
HÀ NỘI - 2011

895.92233

N 104 C

NGUYỄN THẾ VINH

# NAM CAO

NAM CAO NGUYỄN VĂN

*(Tái bản lần thứ nhất  
có chỉnh lý và bổ sung)*

**THƯ VIỆN  
TỈNH HÀ NAM**

ĐC: 943

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN  
HÀ NỘI - 2011

063  
PÁV ПОВЕЛ

THƯ VIỆN TỈNH HÀ NAM  
TR. PH. LY - T. HÀ NAM

PHẦN TƯỞNG  
ĐIỂN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
SÀI GÒN

TỈNH NAM  
ĐẠI HỌC

TRƯỜNG

TRƯỜNG



NAM CAO  
(1915 - 1951)

## LỜI GIỚI THIỆU

TS. PHẠM QUANG NGHỊ

*Ủy viên Trung ương Đảng*

*Bí thư Tỉnh uỷ Hà Nam<sup>(\*)</sup>*

Chào đời trước năm Cách mạng Tháng Mười. Truyện ngắn đầu tiên ông viết năm hai mươi tuổi. Với mười năm cầm bút, Nam Cao đã là một trong những tài năng hàng đầu của dòng văn học hiện thực nước nhà. Từ khi bút danh Nam Cao chính thức xuất hiện trên văn đàn nước ta, năm 1941, với tập truyện “*Đôi lúa xúng đôi*”, tiếp theo là những tác phẩm đầy sức khám phá và sáng tạo của ông đã nhanh chóng nhận được sự mến yêu và khâm phục của hàng triệu độc giả. Đọc Nam Cao, chúng ta cảm thấy vừa gần gũi, vừa sâu xa. Dường như phải trầm ngâm, phải nghĩ ngợi mới cảm nhận hết những gì ông muốn trao gửi. Những nhân vật, những cuộc đời như Chí Phèo, Lão Hạc, Dì Hảo, thầy giáo Thứ... mỗi người một tính cách, một số phận, một diện mạo riêng, nhưng tất cả họ đều là những con người vốn là lương thiện hoặc muốn làm người lương thiện, đều khát khao vươn tới hạnh phúc. Đó là những con người, những số phận đã và sẽ còn làm day dứt mọi con tim.

Những trang viết của Nam Cao là thông điệp báo hiệu niềm khát vọng cháy bỏng của những con người lam lũ, bình thường về một ngày mai tốt đẹp hơn nhất định phải trở thành hiện thực.

Hôm nay, không riêng làng Đại Hoàng, xã Hòa Hậu quê hương ông mà Hà Nam và đất nước mà ông đã quên mình hiến dâng đang từng ngày đổi mới, lớn lên như ông hàng mong ước.

Nam Cao đã ngã xuống giữa tuổi thanh xuân của cuộc đời và của sức sáng tạo thanh xuân. Sự ra đi của ông là bất ngờ nhưng con đường văn chương và cuộc đời chiến đấu của ông lại làm cho ông càng trở nên vô cùng gần gũi vô cùng thân thiết, vô cùng đáng kính trọng đối với chúng ta.

Nhà văn Tô Hoài đã viết về ông với những dòng trân trọng: “Nam Cao đã chết trên cuốn tiểu thuyết lớn của đời mình. Người ấy, tài ấy đương căng đầy sức lực. Nếu anh còn sống chắc chắn những mong muốn của anh sẽ thành sự thật rực rỡ trên một tầm rất xa, rất xa” (Tô Hoài, Lời tựa - *Nam Cao nhà văn hiện thực xuất sắc*).

Những trang viết nồng nàn tươi thắm của nhà thơ Nguyễn Thế Vinh giúp chúng ta hiểu rõ hơn, yêu quý hơn nhà văn lớn Nam Cao cùng với những con người mảnh đất nơi ông đã sinh ra. Xin cảm ơn tác giả đã khơi lên những mạch nguồn văn khiến chúng ta say mê.

*Phủ Lý, ngày 1 tháng 6 năm 1998*

(\*) Hiện nay, TS Phạm Quang Nghị - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.



(Ảnh do gia đình nhà văn Tô Hoài cung cấp)

#### MỘT SỐ VĂN NGHỆ SĨ Ở VIỆT BẮC THỜI CHỐNG PHÁP

(Từ trái hàng đầu): NGUYỄN ĐÌNH THI, KIM LÂN,  
NGUYỄN HỒNG, NAM CAO

(Hàng sau): NGUYỄN ĐỖ CUNG, HỌC PHI, NGUYỄN XUÂN SANH,  
CHẾ LAN VIÊN, HOÀNG TRUNG THÔNG,  
NGUYỄN HUY TƯỜNG, TÔ HOÀI.

(Ảnh TL do gia đình nhà văn Nguyễn Huy Tường cung cấp)

Anc Viên thâu mồi  
Hợp tác phần của anh, tôi phải nghĩ hoàn toàn của  
tôi rồi. Cũng là cái rồi của một người, cũng chưa biết  
là đúng. Nhưng tại phần của anh có nhiều từ ngữ,  
mà từ ngữ thì thông phải là "jizi" trong văn học, nếu  
chỉ cần thâu tôi ta, anh a.

Sử dụng tốt. Tô Hoài

28/8/98 VN

(Trích thư của nhà văn Tô Hoài gửi tác giả)

QUÊ HƯƠNG



## SÔNG CHÂU

**D**òng sông huyền thoại bắt nguồn từ mạn Cổ Châu, Cầu Giẽ, hay sông xưa có loài trai ngọc quý mà nên tên sông. Một dòng xanh uốn qua chân núi Đọi, còn để lại bao huyền tích mỗi khi nhắc đến Sơn Nam Thượng trấn.

Một ngày hạ. Nắng đẹp, sóng im, triều lui, mây tạnh... Lý Nhân Tông cưỡi xe Phượng phi tiên, dừng thuyền Diệu Bảo nơi bến Dâu. Nhà vua xuống chiếu, cho các quan hộ giá, truyền dựng chùa và dựng bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh.

Dòng sông lòng bóng tháp cầu thiện, mang nước Hồng Hà qua miền Phủ Lý, mở khẩu với Đáy giang tạo

thành vùng ngã ba sông, khơi nguồn điệu hát Dậm với bao âm hưởng trữ tình.

Qua năm dài lịch sử, đôi bờ sông Châu đã xuất hiện bao tên đất, tên làng, tên người làm vẻ vang cho đất này: Một phố Châu Cầu, thủ phủ trấn Sơn Nam xưa; Một bến đò Câu Tử, in dấu voi ngựa; Một xóm Đình, nơi đặt ty Hiến sát xứ Sơn Nam sầm uất cùng thời với phố Hiến. Ngày cụ Tam nguyên Yên Đổ cáo quan về vườn Bùi, đôi lần cụ theo đò, thăm núi Đọi đề thơ, cùng bạn là quan nghề Trần Huy Liệu, tới đình Cao Đà viếng nơi danh sĩ thời Trần Trương Hán Siêu về ở ẩn bên sông.

Đình Cao Đà, đình Ngọc Lũ, đình Vĩnh Trụ... Là những tòa sen kiến trúc nổi lên vùng đất đồng chiêm. Đình Ngọc Lũ, nơi cất giữ chiếc trống đồng biểu tượng nền văn minh lúa nước. Đình Cao Đà thờ Lỗ Ban ông Tổ nghề mộc. Đình Vĩnh Trụ còn lưu những lời dạy của quan nghề Tiến sĩ Vũ Văn Lý. Từ mái đình này, Nguyễn Khuyến, Vũ Hữu Lợi (ông nghề Lợi Giao Cù), Dương Khuê, Bùi Dị... học trò quan nghề đã trở thành những danh nhân đất nước.

Sông Châu nơi hun đúc những tài năng, khơi nguồn cho văn chương nghệ thuật... Vốn là vùng đất nghèo "*chiêm khô mùa thối*". Nước lụt chắm kèo còn nom nớp nổi lo vỡ đê:



Cây bàng trăm tuổi - Chợ làng Đại Hoàng

Ảnh: QUỐC TOÀN

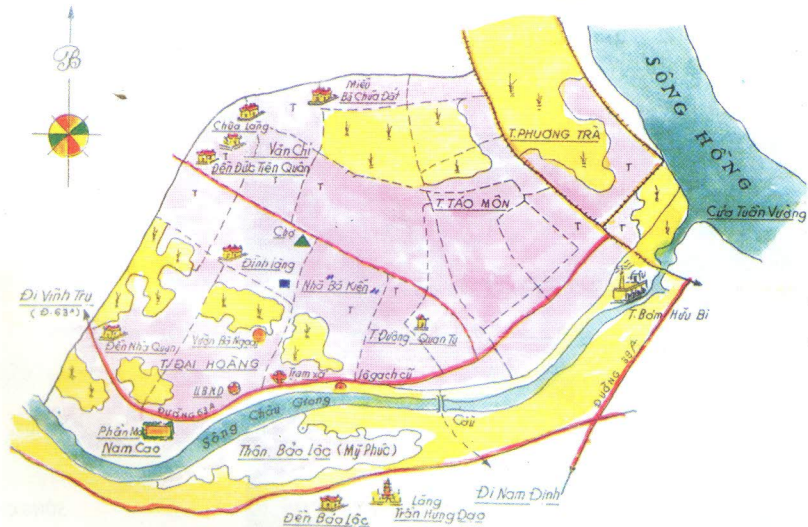


SÔNG CHÂU

Ảnh: ĐÌNH KIM ANH



Chùa làng Đại Hoàng



Bản đồ làng Đại Hoàng

*Quai Mễ, Thanh Liêm đã vỡ rồi.  
Vùng ta thôi cũng lũ lụt mà thôi*

Nguyễn Khuyến

Đủ biết, khi nước lũ từ thượng nguồn xiết về, sông Châu hung hãn biết nhường nào!

Dòng sông tải nặng sa non làm cho vùng đất “*chiêm mát đặng chiêm, mùa mát đặng mùa*”, dấu vết của vùng biển cũ thành làng quê trù mật. Đoạn kết sông Châu gặp sông Hồng tại bến Hữu Bị tạo thành huyết đất: “*Đầu gối núi Đọi, chân đọi Tuân Vương*” nơi phát tích vương triều Trần, sinh ra bao bậc hiền tài.

Và, tại nơi sông con gặp sông mẹ ấy, tạo thành vùng nước xoáy, lưu truyền câu ca:

*Nhất cao là núi Tản Viên*

*Nhất sâu là vũng Thủy Tiên Tuân Vương.*

Thủy Tiên - Tên của nghĩa nữ đức Thánh Trần: Thủy Tiên công chúa - phu nhân danh tướng Phạm Ngũ Lão. Và tại nơi “*Mười hai cửa bể cũng nể Tuân Vương*”, từ đời nào phù sa đôi nguồn hội tụ dải đất hình sừng trâu, tiền thân của làng Đại Hoàng, nơi Nam Cao cất tiếng chào đời, cách nay gần thế kỷ (29 tháng 10 năm 1915).

## TAM VỊ THÀNH HOÀNG

Xưa đạo Ái Châu, phủ Thiệu Thiên, huyện Hoàng Hóa, trang Mỹ Lộc có nhà họ Nguyễn, húy là Thành Công, vợ là Nguyễn Thị Ngoạn. Gia đình êm ấm hòa thuận. Một chiều, người vợ ra sông tắm, chợt có giao long nổi lên quấn quanh người ba vòng. Sau một khắc, bà sợ hãi thấy mình hương thơm không hết. Người động tâm rồi có thai.

Ngày mùng Ba tháng Ba, tiết xuân ấm áp. Chợt luồng gió mang hương lạ vào nhà. Bà mẹ chuyển dạ, sinh ra một bọc được hai con trai và một con gái. Người trai dáng rồng mắt phượng, sau lưng có hai mươi tám chấm sao “Nhị thập bát tú”. Cô gái sắc diện chim sa cá lặn, khuôn mặt như thể trăng rằm. Cha mẹ cả mừng cho là phúc trời, liền đặt tên con cả là Mỹ Mạo, thứ đến Hộ Tấu; con gái út Quận Nương.

Muốn con thành tài, vợ chồng nhà họ Nguyễn tìm thầy Hoa Đường dạy học. Được ba năm, kinh sách tinh tường, tài kiêm võ nghệ, sức địch dư trăm người. Trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, lại hiểu được luân thường đạo lý. Không vật nào không biết, không việc gì không hiểu. Thầy Hoa Đường thường khen rằng:

- Nhà này sinh được trai tốt, ngày sau sẽ vinh hiển, lưu danh trong triều.

Một ngày kia, cha mẹ đau ốm rồi qua đời. Ba người con kêu khóc thảm thiết. Chọn ngày lành an táng ngoài cánh đồng làng. Để tang ba năm, tư gia khánh kiệt, ba anh em rủ nhau đi tìm đất lành. Một ngày họ dừng chân đất Sơn Nam, xã Đại Hoàng, huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường. Thấy thế đất, dòng sông lượn quanh, có ngôi minh tinh (sao sáng) dẫn mạch... Ba người biện lẽ vật, xin dân làng được ngụ cư.

Bảy giờ đạo Sơn Tây, phủ Tam Đới, châu Hát có Bà Trưng Trắc, Trưng Nhị vốn dòng dõi vua Hùng, tinh binh mười vạn, cờ quạt rợp đất, chiêng trống kinh động, mở hội thề Hát Thạch giang. Mỹ Mạo cùng hai em chiêu mộ anh tài, được hơn trăm người, vùng Đại Hoàng ba mươi năm người dưới cờ. Hai Bà cho anh em họ Nguyễn yết kiến. Thấy diện mạo khác thường, quân sĩ, khí giới trang nghiêm, liền bảo:

- Giời sinh ta làm vua, sinh người hiền giúp đỡ, ta

không phân biệt được ai là anh, ai là em.

Hai Bà truyền hạ binh sĩ, giết trâu bò, lập đàn tế trời đất, quý thần, thề:

- Thiếp phận nữ lưu. Đau xót sinh linh, căm giặc Tô Định, dấy binh cứu sơn hà xã tắc. Xin thiên địa thần minh phù hộ.

Bèn cất thủy bộ thẳng tiến vây thành Tô Định, thế như chẻ tre. Giặc Hán bị đánh không còn một chiếc xa, một con ngựa. Kẻ bị bắt sống, được cấp lương ăn, trả về kinh quốc.

Từ đó, Bà Trưng lên ngôi hoàng đế, tự phong là Trưng Nữ Vương. Ba anh em họ Nguyễn được phong: Mỹ Mạo Đại vương, Hộ Tấu Đại vương và Quận chúa phu nhân Đại vương. Cấp sắc cho ba vị về quê. Dân làng Đại Hoàng từ nam phụ, lão ấu ai nấy vui mừng khôn xiết, làm lễ đón trọng. Đại vương nói rằng:

- Dân với chúng tôi là nghĩa cũ. Cho làng mười cân vàng biểu thị tấm lòng. Việc tuy nhỏ nhưng không quên ơn này.

Nói xong, hoá thành ba dải hoàng xà dài hơn trượng, nhập vào sông Châu...

Đó là ngày mồng Tám tháng Ba.

*(Theo Ngọc phả làng Đại Hoàng)*

THƯ VIỆN  
TỈNH HÀ NAM

ĐC: 943

## NGHĨA NỮ ĐỨC THÁNH TRẦN

Theo Ngọc phả nhà Trần, Quốc Công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn (1226-1300) sinh được năm người con:

Con cả: Trần Quốc Nghiễn, Thượng tướng quân hạt Sơn Nam đóng tại ấp An Lạc.

Con thứ hai: Trần Quốc Uất, tướng trấn giữ vùng biển Hòn Gai.

Con thứ ba: Trần Quốc Tảng. Sau khi Trần Quốc Toản hy sinh, Quốc Tảng giương cao lá cờ của người anh hùng, ra trấn giữ vùng biển Cửa Ông.

Con thứ tư: Trần Quốc Trí, chăm lo lương thảo, đóng quân tại Trần Thương, huyện Nam Xang.

Người thứ năm là: Quyên Thanh công chúa, vợ vua

Trần Nhân Tông, đức Khâm từ Hoàng hậu.

Đức Thánh Trần còn có người con gái nuôi là Đại Hoàng công chúa, vợ Thượng tiên Điện súy, Tướng quân Phạm Ngũ Lão.

Phạm tướng quê làng Phù Ủng, nay là xã Đô Lương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, ông sinh năm 1255 và mất năm 1320. Từ nhỏ, Phạm Ngũ Lão tỏ ra lanh lợi hơn người, giỏi võ nghệ. Tương truyền nhà bên đường cái quan, ngày ngày ông thường ngồi chẻ tre đan sọt, rổ rá... Một ngày, Hưng Đạo vương từ Vạn Kiếp về kinh đô. Quân sĩ đi dẹp đường, thấy chàng trai quắt đuôi, ông cứ bình thản như không biết. Lính lấy giáo đâm vào đùi, máu chảy, người vẫn không nhúc nhích. Hưng Đạo vương dùng võng hỏi:

- Đùi nhà ngươi bị đâm, sao không biết đau mà cứ ngồi yên vậy?

Ngũ Lão thưa:

- Tôi đang mài nghề mấy câu trong binh thư nên không nghe biết gì cả!

Hưng Đạo hỏi các mưu lược, ông đối đáp trôi chảy. Bèn cấp thuốc buột chỗ đau rồi cho theo hầu.

Năm Ngũ Lão ngoài đôi mươi, biết người hiền tài, Hưng Đạo vương gả con gái nuôi và tiến cử vào triều.

Phu nhân Phạm Ngũ Lão là Đại Hoàng công chúa (1). Trên đường từ kho lương Trần Thương bên bờ sông

Hồng về Bảo Lộc, qua làng Đại Hoàng, Hưng Đạo vương thấy một bé gái ăn xin ngoài chợ, Ngài mang về nuôi và đặt tên Đại Hoàng công chúa. Đại Hoàng vốn là đất thang mộc (2) của vương triều, theo sắc chỉ vua Trần là "*Đất vạn khoảnh, dân vạn hộ*" thuộc quyền An Sinh vương Trần Liễu.

Chính trên mảnh đất sinh con gái nuôi đức Thánh Trần, ngã ba Tuần Vương diễn ra trận thủy chiến lẫy lừng năm 1258. Phạm Sư Mạnh, danh sĩ thời Trần, qua đây vịnh:

Vương hà thủy chiếm cửu trùng điện  
Cao khẩu phong dao bách trượng thuyền  
Lưỡng ngàn tâm dương kim quất quốc  
Mãn thành tế vũ thổ hà thần...

Tạm dịch :

*Gió đưa cửa Cáo thuyền trăm trượng  
Nước uốn sông Vương điện chín trùng  
Cả xứ mưa bay rơi trắng nõn  
Đôi bờ sương xuống quýt vàng hung...*

(1) Phạm Ngũ Lão có ba vợ: Thủy Tiên công chúa (quê Đại Hoàng), Thủy Tinh công chúa (quê ở Kiện Khê Thanh Liêm) và Lâm Hoa công chúa (quê ở Mường Mai).

(2) Thang mộc: Nghĩa đen là tắm gội bằng nước nóng. Dân ở đất thang mộc phải cung phụng cho việc tắm gội của nhà vua. Ấp thang mộc của nhà Trần là một số nơi ở Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Quảng Ninh...

Cửa Cảo - nơi ở của người con gái đẹp, sau này là đất Cảo Môn (có người gọi là Tảo Môn). Tổng Cảo Môn có bảy làng: Cảo Môn, Đại Hoàng, Hữu Bị, Vạn Khoảnh, Bảo Lộc, Mai Xá, Đàm Bị. Nghe truyền tại bến Tuần Vương, công chúa thường ra sông tắm. Người còn đặt tên là Thủy Tiên công chúa.

Khi Trần Quốc Tuấn lập kho lương Trần Thương, Thủy Tiên công chúa tòng Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị Dung phu nhân Trần Thủ Độ, theo triền sông Hồng, sông Châu tới các làng quê quyên góp thóc gạo, vải lụa... tích đầy kho lẫm.

Lương thảo được cất giấu bằng cách, những chiếc thuyền ghép liền nhau, làm kho di động, phủ cây. Khi lâm trận, thuyền lương kéo khỏi nơi cất giấu, giặc Nguyên bao phen lùng sục cũng không phát hiện được. Chính tại nơi đây, Quốc Mẫu bảo toàn gia quyến nhà Trần trong cuộc chiến chống Nguyên.

Hiện cung Khải Thánh, đền Bảo Lộc, trên ban thờ Quốc Công Tiết chế phu nhân, bên phải là Đệ Nhất vương cô Khâm Từ hoàng hậu, bên trái là Đệ nhị vương cô Đại Hoàng Thủy Tiên công chúa.

## ÔNG TIÊN QUÂN BÀ CHÚA ĐẤT

Trên dòng Châu cổ, một người không vợ con, nhà cửa, chỉ độc chiếc thuyền nan chuyên nghề chài cá, kéo vó. Tôm cá dành được, ông cho bọn trẻ chần trâu, cắt cỏ, gọi là khao quân. Dân làng gọi là lão chài họ Trần.

Những khi thư thả, lão ngư thường kể cho bọn trẻ nguồn gốc của mình. Tổ tiên lão quen nghề sông nước vùng Chí Linh (Hải Dương), sau chuyển xuống bến Ô rô, Hữu Bị. Vốn nghề chài lưới nên thường đặt tên có bộ ngư. Cụ tổ năm đời Trần Kinh - Kinh; Quý vương Trần Hấp - Trầm; Nguyên tổ Trần Lý - Chép; Thượng Hoàng Trần Thừa - Dưa; Trần Tự Khánh - Ngạnh; Trần Thủ Độ - Trích; An Sinh vương Trần Liễu - Nheo; Trần Cảnh - Lành Canh... Các cụ thường xăm hình rồng lên người để tỏ ra không quên nguồn gốc (1).

Có lần bắt được cá lạ, lão chài chở vào Tức Mặc dâng lên quan gia. Nhà vua hỏi cần gì, ông nói chỉ xin doi cát lấy chỗ phơi lưới, cho trẻ con tập trận. Dân làng có thêm mười mẫu ruộng cánh bãi, thời Lê về xã Chân

Ninh (nay thuộc xã An Ninh, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam). Ông người tìm đất cho làng, dân lập miếu thờ, suy tôn ngài là đức Tiên Quân.

Gần miếu Tiên Quân còn có miếu Bà Chúa Đất - dân gian thường gọi là Cửa Chúa. Giai thoại kể rằng: Lần ấy, Thái sư Trần Thủ Độ tuần du sông nước, thuyền cập bến Tuần Vương, gặp cô gái cắt cỏ ven sông, trên trời hiện đám mây ngũ sắc che đầu. Thấy điềm lạ, Thái sư hỏi rõ ngọn ngành rồi cho về cung, đặt tên là My Hê công chúa, lớn lên định gả cho thái tử nước láng giềng. Được hai năm, My Hê lâm bệnh nặng, vợ chồng Thái sư được tin đến thăm, bà thưa:

- Quê con đồng trũng nước cả, quanh năm chỉ bát com chiêm. Nay con muốn về quê nhận đất cấy hái mong bát com mùa.

Thái sư gật đầu, truyền cho võng cáng, cử lính theo bà. Thuyền dừng bên Ô Rô, công chúa sai quân sỹ ra đồng cày cấy năn lác, phát cỏ khai canh, cùng dân trong vùng đắp đê quai ngăn nước. Bà còn dạy dân trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải. Đất ấy trải dài theo bờ sông Châu. Vùng đồng chiêm nơi bà nhận phần thời Nguyễn là đất tổng Cao Đà.

Dân làng còn truyền ngôn sự tích Hòn đất thiêng, My Hê ném làm mốc nhận đất. Nơi đất rơi, chất ụ cao, dân làng tự xưa lập miếu thờ.

Đúng như lời ước, cả vùng Cao Đà, Nhân Mỹ, Nhân Tiến, Hòa Hậu... bớt cảnh chiêm khô thành đất hai mùa.

“*Bụt Nam Xang không từ oản chiêm*” trong câu ca xưa, bây giờ đơm cúng Phật đã thơm phức hương nếp hoa vàng, nếp hương, nếp lý...

Nhớ ơn người con gái, dân làng Phương Trà lập miếu thờ Mẫu Linh từ. Các triều vua phong sắc Bản Cảnh Địa Tiên Công.

Bây giờ, cứ vào 28 tháng 11 âm lịch hàng năm, dân làng sửa lễ tưởng vọng ngày kỵ Bà Chúa Đất. Trong lễ vật không thể thiếu năm com và đĩa muối vừng, tượng trưng năm đất thiêng xưa.

---

(1) NGUỒN GỐC NHÀ TRẦN: Theo cuốn Gia phả cổ nhất, (do Trần Bào Chính, qua tài liệu của Vũ Ngọc Tiến) cho biết: Còn cuốn Gia phả Trần tộc do thống tôn đời thứ 27 lưu giữ, ghi chép gốc tích họ Trần từ thời Chiến Quốc. Năm 227 trcCN, Phương Chính hầu Trần Tự Minh thiên di xuống phía Nam, được An Dương Vương thu nạp, trở thành vị tướng tài, cùng Cao Lỗ giúp vua chống lại Triệu Đà.

Trần Tự Minh, sau lui về ẩn dật đất Kinh Bắc. Họ Trần dòng thống tôn có chữ đệm là "Tự". Đến đời Trần Tự An (1010 - 1077), danh tiếng hiển hách trong giới võ lâm Đại Việt. Để phân biệt với các võ phái khác, Tự An đặt cho võ phái của mình là Đông A (Triết tự từ chữ Trần).

Đến đời Trần Tự Kinh, khẩn hoang vùng đồng bằng châu thổ sông Nhị Hà, lập nghiệp ở Tức Mặc (thành phố Nam Định). Hai người con là Trần Tự Hấp, Trần Tự Duy đều giỏi võ nghệ. Người con trưởng Trần Tự Hấp đã chuyển gia thất về đất Thái Đường (Thái Bình). Tương truyền, nơi địa vượng linh khí. Tự Hấp sinh ra Trần Lý. Trần Lý sinh ra Trần Thừa, Trần Tự Khánh, Trần Thị Dung.

Con thứ Trần Tự Duy, ở đất Lưu Xá sinh ra Trần Tự Huy là ông nội Thái sư Trần Thủ Độ.

Trần Lý hứa gả Trần Thị Dung cho Trần Thủ Độ, theo luật tục họ Trần cứ ba đời thông gia với nhau.



## QUAN TU

Nổi về truyền thống học hành của đất Đại Hoàng, không thể không nhắc đến Trần Huy Xán, cử nhân năm Tự Đức thứ ba (1850). Khoa ấy, trường lấy hai mươi tám người, ông đậu thứ năm. Tuy chỉ hàm cử nhân, nhưng vua Tự Đức trọng tài, vời vào kinh bổ làm Tu soạn Quốc Sử quán, nên người đời gọi ông là Quan Tu.

Ngôi từ đường dựng năm Tự Đức thập nhị cửu niên (1860) cách đây hơn 150 năm vẫn nguyên. Câu đối sơn son thếp vàng do chính Quan Tu viết truyền cho con cháu:

Đại kinh đại bản lộc ư thử  
Văn tướng văn tôn kế tự kim

Tạm dịch:

*Sách lớn gốc bền phúc tại đây  
Văn tướng, văn tôn con cháu tiếp*

Nhắc nhủ con cháu nối chí ông cha.

Chuyện kể, nhà Trần Huy Xán rất nghèo. Bà mẹ tần tảo nuôi con ăn học. Trò Xán đến trường, trên người chỉ độc bộ quần áo vá. Học không đủ sách, phải nhờ của bạn. Bạn không cho xem thì ngồi khóc. Cụ cử Cao Đà thấy trò sáng dạ, nhận làm con, nuôi cho ăn học.

Đến ngày thi hương. Thầy đồ phải sắm lều chõng, cho ba quan tiền, ba bát gạo và môn sinh cho mượn áo đi thi. Tới cổng làng, vì thiếu sưu, bị trưng tuần lột mất áo.

Khoa ấy, Trần Huy Xán đỗ. Ngày vinh quy bái tổ, kiệu giá hạ sân đình, bà mẹ vẫn còn đội chiếc rỏ xè trên đầu. Dân làng nói con đỗ, bà vẫn chưa tin. Họ giật rỏ ném xuống ao, bà còn tiếc lợi xuống vớt.

Trần Huy Xán được bổ tri huyện Kim Thanh, chùng nửa năm lại điều tri huyện Kim Anh. Tiếng đồn viên huyện trẻ có tài vào tới kinh đô.

Nước mất, Trần Huy Xán cáo quan về quê. Từng là quan nội triều, nhưng ông vẫn giữ nếp sống thanh bạch, làm thuốc giúp dân.

Thấy tổng Cung hà lạm, ức hiếp dân, Quan Tu cho mời các bô lão lên đình vạch tội. Tổng Cung kiện lại, bị thua, kéo quân đánh. Quan Tu được học trò và dân làng bảo vệ mới thoát chết.

Không chỉ lo làm thuốc, dạy học, Quan Tu còn giúp dân mở mang sinh nghiệp. Ông cho xây cống qua đường cái quan, rút nước ra sông. Thấy ven sông Hồng hàng năm lũ lụt, ông xin tri phủ Nam Xang cho đắp đê quai từ Đồng Thủy đến Ba Hàng Phú Cốc. Nhớ ơn, dân làng sở tại thờ ông làm Thành hoàng.

Tài đức Quan Tu nức tiếng trong vùng. Chính ông cho lập đình thờ Thành hoàng và các vị liệt thánh có công với làng với nước.

Giai thoại kể: làng Dã Chàng huyện Thư Trì, tỉnh Thái Bình sửa đình, lo hai nén bạc, chục cau tươi thừa câu đối. Lý trưởng Dã Chàng thân chinh biện lễ xin Quan Tu, nhưng bớt một nén. Chữ "thánh hiền" cụ cho, bỏ ống quyển cẩn thận, về mở ra thấy mỗi vế đối chỉ có bốn chữ:

*Thiên tích thông minh  
Thánh phù công dụng*

Các cụ tra hỏi, biết lý trưởng bớt lễ, lại cho người vượt sông Hồng sang Đại Hoàng.

Quan Tu mài mực, bảo mở tờ giấy, viết thêm vào

mỗi vế ba chữ:

Thiên tích thông minh Thư Trì huyện  
Thánh phù công dụng Dã Chàng thôn

Nghĩa là:

*Đất Thư Trì trời cho thông sáng  
Người Dã Chàng thánh giúp tài năng*

*Huy Vinh dịch*

Mọi người đều phục tài.

Quan Tu mất tại quê, thọ bảy mươi tuổi. Ngày tang lễ, xa gần viếng đông, quan tài quàn ba tháng mới an táng. Ông dặn con cháu để bốn chục năm mới cải. Hiện phần mộ để cánh đồng Gòi, nay là xóm tám xã Hòa Hậu.

Từ đường thờ ông có nhiều đạo sắc phong của các vua triều Nguyễn.

## LÀNG ĐẠI HOÀNG

Nhìn bản đồ Lý Nhân, Đại Hoàng trông tựa vây cá chép, nổi lên cửa nước Tuần Vương. Xưa nhất xã, nhất thôn. Phía Đông Bắc sông Hồng đối ngạn đất Vũ Thư, Thái Bình. Phía Nam cách Châu giang là Bảo Lộc, có đền thờ Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn (1226 - 1300). Từ Đại Hoàng, thủy bộ thông thuận. Thủy đạo nối kinh đô đến kho lương Trần Thương, tới phủ Thiên Trường. Đường bộ ngược Vĩnh Trụ hay xuôi Nam Định chỉ một thôi đàng...

Trước năm 1945, làng dư nghìn suất đình. Nơi đây ít ruộng nhiều vườn, nguồn sống chính làm vườn, dệt vải, buôn bán.

Theo các cụ truyền, trước thời Trần, còn hoang vu lắm. Có bốn võ lâm phái Đông A từ phủ Thiên Trường, thấy thế đất đẹp, cắm sào lập nghiệp. Từ đó, làng chung

một họ Trần. Có hai mươi sáu chi phái con cháu tộc Trần tất cả.

Đại Hoàng xưa thuộc tổng Cảo Môn huyện Mỹ Lộc. Là đất thang mộc của An Sinh vương Trần Liễu, thân phụ Trần Hưng Đạo. Năm Tự Đức thứ tư (1851) nhà Nguyễn mới cắt đất Cảo Môn, Đại Hoàng lập tổng Cao Đà, huyện Nam Xang, phủ Lý Nhân. Phủ Lý Nhân thời Trần thuộc phủ lộ Thiên Trường. Thời thuộc Minh về châu Lợi Nhân. Thời hậu Lê, kiêng húy Lê Thái Tổ (Lê Lợi) cải là Ly Nhân. Thời Nguyễn là Lý Nhân thuộc tỉnh Hà Nội, có chín tổng, tám mươi sáu xã. Thêm tổng Cao Đà thành mười tổng, chín mươi sáu xã. Đại Hoàng là xã cuối tổng, cuối phủ. Qua đò sông Châu là đất Thiên Trường, quê hương các vua Trần.

Nhất cận thị, nhị cận giang, đất màu mỡ, người chăm chỉ, khéo tay, từ xa xưa phẩm vật Đại Hoàng, Cảo Môn, nổi tiếng trong triều, ngoài nội. Mùa xuân thì cam quýt. Hạ có hạt sen, long nhãn. Thu thì hồng đỏ, loại quả rậm chín, tai vẫn xanh, khi cắt miếng, tự kéo lớp màng, để ngày sau ăn vẫn ngọt. Hồng đợi mùa, chuối chín quanh năm. Chuối ngự Đại Hoàng rước qua sông Châu, đưa vào cung Trùng Quang, Trùng Hoa, dâng cúng Phật Trúc Lâm Tam Tổ nơi chùa Tháp Phổ Minh.

Chợ Rồng Nam Định nổi tiếng với lụa tơ tằm, chuối ngự. Nhà văn Nguyễn Tuấn tả: vỏ mỏng tang, ruột chuối ánh lên màu cát đường. Có những buồng khi vén

những tua lá khô phủ lên nó, những tấm áo khô cũ màu thì thấy xếp tầng gác đến chực nải. Có người vì buồng chuối ngự mang lên Thủ đô làm quà mà đành phải đi tàu thủy. Mất nhiều thì giờ hơn đi ô tô, tàu hỏa. Nhưng cho chuối đi tàu thủy, đỡ bị lác rụng, đảm bảo hơn...

Nay thì thế. Xưa, những tầng ngự quý màu vàng thur, quả thon như búp tay con gái kéo sợi, vỏ mỏng như lụa, mùi thơm thanh quý, từng ngược thuyền, gồng gánh vào kinh đô Huế tiến vua.

Đêm ngày, từ bãi mía, vườn trầu, tiếng thoi dệt vải hòa với tiếng gõ chài trên sông. Trai đánh cá, chở thuyền làm gạch. Gái dệt vải, buôn bán. Các cụ chăm chút vườn cây... tạo cho Đại Hoàng một nét trù phú riêng.

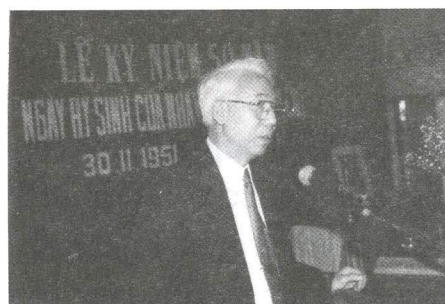
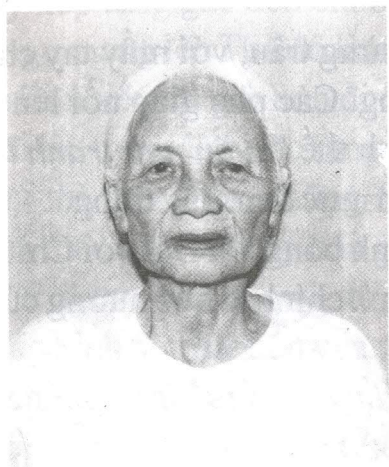
Tựa mỗi làng quê Việt, Đại Hoàng giữ nhiều lệ đẹp. Đón Tết, nhà nào cũng dành nồi cá kho. Cá kho làng Hoàng, mang vị đặc trưng của người Hoà Hậu, thưởng thực với bánh chưng xanh đã vào ca dao, tục ngữ. Qua rằm tháng Giêng, khi nhãn ra hoa, mặt ao nở đầy lá ấu non là lúc làng vào đám. Theo hẹn, các gánh hát từ Kiện Khê xuống, Thái Bình sang, Nam Định về... Cả làng rộn rịp tiếng trống, nhịp phách.

Hội rước nước, mở đầu là chiếc thuyền giấy to được giáp của cụ Ngôn thả xuống sông Châu, cầu cho mưa thuận gió hòa. Hội thả diều, diễn ra mấy mẫu ruộng đình. Diều giáp nào to, lên cao được giải. Bao cuộc

tranh tài, bao đôi lứa nên duyên, qua các ngày hội làng quê.

Và từ mảnh đất hình sừng trâu, với mấy tay chèo tu bến, thành làng Đại Hoàng. Các phe giáp nổi lên tranh giành nhau, tao loạn, thành thế "*quần ngư tranh thực*", được Trần Hữu Tri đưa lên mực đen giấy trắng.

Làng Đại Hoàng là hình bóng Vũ Đại với Chí Phèo, Thị Nở, Lão Hạc, Bá Kiến... chính là quê hương của nhà văn lớn Nam Cao.



## GIA ĐÌNH

1. Bà Trần Thị Sen, vợ nhà văn Nam Cao (1917 - 2002).
2. Tiến sĩ Trần Mai Thiên (Giải thưởng Hồ Chí Minh), con trai nhà văn.
3. Ông Trần Hữu Đạt em trai nhà văn
4. Gia đình nhà văn cùng đoàn làm phim VTV3 Đài Truyền hình VN và tác giả NTV tại nghĩa trang liệt sỹ Gia Viễn tỉnh Ninh Bình (1996).

## ÔNG NỘI

Cụ Trần Hữu Chung, ông nội nhà văn, (người quanh vùng thường gọi cụ đồ Chung), xuất thân nhà nho nghèo, nổi đời dạy học và làm thuốc. Bà nội - con gái cụ Cán Thư - một người có học trong làng.

Thực dân Pháp xâm chiếm nhiều vùng đất phía Nam, nước mất, cụ Tam Nguyên Yên Đổ cáo quan hồi quê. Tại Nam Định, ba trăm nghĩa dũng, hội thề sân chùa Vọng Cung, dưới chân Cột Cờ theo cụ đốc Phạm Văn Nghị tình nguyện vào kinh hường ứng chủ chiến của Tôn Thất Thuyết. Sĩ phu Nam Định, Hà Nam dâng tấu lên vua Tự Đức, quyết liệt phản đối triều đình nghị hòa với giặc.

Thành cổ Nam Định bị chiếm từ năm 1883 - 1887. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đề đốc Tạ Hiện, trai tráng

đôi bờ sông Châu nô nức theo ông Đỗ Văn Hoán, người làng Nhân Giả kéo biên binh phối hợp giữ thành Nam. Gương hy sinh liêm liệt của ông nghề Vũ Hữu Lợi, Đốc Nhưỡng và học trò theo thuyền sông Châu tập kích vào tư dinh Tổng đốc Vũ Văn Báo tại Vĩnh Trụ, đã thôi thúc các nho sĩ trong vùng chí khí quật cường.

Phong trào Cần Vương nổi khắp nước. Cụ đồ Chung cùng bốn người bạn, mở trường dạy chữ Nho, nuôi chí tập hợp trai đinh trong vùng chờ ngày khởi sự. Việc bại lộ. Học trò, thầy đồ người bị bắt, bị chém. Cụ đồ phải đem vợ con vào lánh nạn đất Phúc Nhạc, Ninh Bình. Ban đầu dạy chữ Nho tại trường Lý Đoán, sau làm thuốc cứu dân. Cụ đồ Chung thành con chiên của Chúa (tên thánh Giuse Trần Hữu Chung).

Cuộc sống xứ Tam Châu, Phúc Nhạc chẳng hơn gì quê. Ba gian nhà đất, cạnh nhà thờ, trước mặt cánh đồng, phía sau trại Ba cây gạo, cỏ dại lút đầu. Căn nhà nhỏ là tổ ấm của gia đình họ. Giáo dân nghèo, tiền bán thuốc làm phúc chẳng là bao, bà đồ phải cùng các con mò cua, bắt ốc, đánh xiếc... rau cháo lẫn hồi nuôi nhau.

Cụ đồ Chung sinh được bốn người con trai:

Trần Hữu Huy

Trần Hữu Huệ

Trần Hữu Trí

Trần Hữu Thức

Hai người con gái Trần Thị Khanh, Trần Thị Ý.

Nhớ quê cha đất tổ, khoảng năm 1904, cụ đồ dắt người con thứ là Giuse Trần Hữu Huệ về quê Đại Hoàng, năm đó ông Huệ mới 14 tuổi. Ông Trần Hữu Huệ sau lấy bà Trần Thị Minh, con gái cụ Trần Bá Hòa và bà Trần Thị Vân người cùng làng.

Cụ đồ Chung mất tại xứ đạo Tam Châu xã Phúc Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Ngày Nam Cao còn nhỏ, nhiều lần được cha đưa sang Tam Châu thăm họ nội bên ấy.

## BÀ NGOẠI

Cụ Trần Thị Vân, bà ngoại nhà văn xưa rất nghèo. Cha mẹ mất sớm, từ nhỏ, cụ Vân và người em gái là bà Quán Nhã phải đến ở với người họ hàng là ông Lý Thiều.

Gọi là lý, vì ông Thiều được cử ra làm lý trưởng Đại Hoàng. Ông Thiều gánh việc làng nhưng không biết chữ, phải nuôi thầy đồ trong nhà lo việc giấy tờ.

Ngày ra đình nhận triện, ông lý cao giọng:

- Tôi phải nhận việc làng. Từ ngọn tre trở lên thuộc trời. Từ ngọn tre trở xuống là của tôi, tôi làm thế nào dân phải chịu!

Câu nói của lý trưởng, thừa nhận quyền làm mưa làm gió của đám chức dịch trong làng.

Có năm, thuyền trong Nghệ ra buôn thóc. Lái

thương phải lên bờ trình báo cụ lý. Ông Thiều hỏi lái buôn:

- Thuyền tre hay thuyền ván, theo thuyền có mấy người, buôn bán gì?

Lái buôn nói chữ:

- Trúc chu, ngũ nhân, mại mẽ.

Gặng mấy lần, ông lý vẫn chưa hiểu. Cụ đồ phải đỡ lời giải thích:

- Trúc chu là thuyền nan

Ngũ nhân là năm người

Mại mẽ là buôn gạo

Khi ấy lý trưởng mới cho họ lên bờ.

Tuy đi ở, mọi việc trong nhà ông lý đều nhờ chị em bà Vân cai quản, từ việc cấy hái, dệt vải chăn tằm, đào vườn... việc gì cũng thạo. Thế rồi, ông lý biến thủ thuế khóa mà giàu có. Các phe giáp tranh giành quyền lợi, kiện cáo. Lý Thiều bị hạch tội, quan phủ tróc nã, trói bêu cọc tre ngoài đê đại hà, cạo gáy, chờ chém... Người nhà vội biện lễ lên Vĩnh Đà, nhờ linh mục đứng ra can thiệp. Ông lý thoát chết. Từ đó cả nhà Lý Thiều theo đạo Thiên Chúa, bà Vân lấy tên thánh là Catarina Trần Thị Vân.

Bà Trần Thị Vân lấy ông Trần Bá Hòa, một người vai vế trong làng. Em ruột bà Vân lấy ông Trần Bá Nhã em ruột ông Hòa. Hai chị em lấy hai anh em.



Bà Vân, ông Hòa chỉ sinh mỗi người con là Trần Thị Minh (1897). Theo lệ quê, bà được gọi thay tên con gái là bà Lý Minh.

Bà Trần Thị Minh lấy ông Trần Hữu Huệ. Năm 1915, ông bà sinh con đầu lòng đặt tên là Trần Hữu Tri tức nhà văn Nam Cao.

Cụ Trần Thị Vân mất ngày 18-6-1946 (âm lịch) hưởng thọ 82 tuổi.

## CHA MẸ

Thân phụ nhà văn là ông Trần Hữu Huệ. Năm 14 tuổi, được cha đưa từ xứ Tam Châu về làng. Dù nhà nghèo, muốn con nên người, cụ đồ gửi con theo học cụ cử Cao Đà và truyền cho nghề làm thuốc Nam.

Khi lấy bà Minh, vì nhà vợ sinh con một bề nên ông Huệ ở rể, được ông bà nhạc coi như con đẻ. Đôi vợ chồng trẻ được mẹ vợ giao sản nghiệp sáu sào đất và mấy khung dệt. Ông, bà sinh được tám người con, năm con trai, ba con gái.

Con trưởng Trần Hữu Tri (Nam Cao) sinh năm 1915 (1).

---

(1) Về năm sinh của Nam Cao, theo tiểu sử do chính nhà văn viết gửi Hội Nhà văn Việt Nam ngày 10 - 04 - 1950, Nam Cao sinh ngày 29 - 10 - 1917. Theo gia đình, nhà văn sinh năm 1915.

Trần Hữu Thuật sinh năm 1917. Năm 1943 ông Thuật đưa em gái là Trần Thị Khiết vào Sài Gòn rồi làm công nhân đồn điền cao su. Lúc ấy gia đình đã sa sút. Trong mấy anh em chỉ duy Nam Cao được đi học. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông Thuật tham gia hoạt động bí mật, sau hiệp định Giơ-ne-vơ, về quê làm Phó bí thư Đảng ủy xã Đại Hoàng. Năm 1963, người cán bộ ấy dẫn ba mươi ba hộ dân xây dựng vùng kinh tế mới, đã mất tại xã Đại Nghĩa, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Trần Hữu Tuấn, sinh 1919. Năm mười ba tuổi (1934) lâm bệnh, mất tại quê.

Trần Thị Khiết sinh 1920. Năm 17 tuổi đi tìm nhà người cậu là Trần Bá Lễ làm thợ may ở Sài Gòn. Bà Khiết buôn chuyến tuyến Sài Gòn - Công Pông Chàm. Chồng mất, sau tái giá với anh thợ may cùng quê, mất tại Sài Gòn năm 1953.

Trần Hữu Đạt sinh 1924, xung phong đi bộ đội từ năm 14 tuổi, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Hòa bình lập lại, công tác Văn hóa thông tin. Nơi ông Đạt ở là vườn của bà ngoại để lại.

Trần Thị Trinh sinh 1927, lấy chồng làm ruộng. Mất năm 2009.

Trần Thị Trạch, sinh năm 1929. Năm 40 tuổi mất.

Người con út Trần Hữu Tiến sinh năm 1932, thoát ly gia đình, Phó Thanh tra ngành đường sắt Việt Nam hiện ở Hà Nội.

Để nuôi dạy các con, ông Trần Hữu Huệ xuống Nam Định thuê căn nhà 42c phố Hàng Đàn (phố Hai Bà Trưng) gần Nhà thờ lớn Nam Định. Ông cùng hai người bạn Trần Thế Niên Trần Doãn Phác thợ mộc giỏi, chung nhau mở cửa hàng đồ gỗ. Nhà hàng làm các đồ thờ tự, bán cho cả bên giáo, bên lương. Sau nhiều năm, ông Huệ và những người bạn trở thành tiểu chủ, về quê mua chức phó lý, nên từ đó người làng gọi ông phó Huệ.

Bà Minh ở quê làm vườn, dệt vải, buôn vật. Ngày nhỏ, Nam Cao cũng biết gỡ sợi cho mẹ và bà ngoại. Con trai lớn theo cha xuống Nam Định học hành, con gái ở nhà tần tảo giúp mẹ. Tuy thế nhưng nhà đông miệng ăn, bà ngoại mất, các con đau yếu, gia cảnh cứ sa sút dần. Ông phó Huệ ra tỉnh buôn đồ gỗ, sau chuyển đưa hàng ra Hải Phòng, mất sạch vốn liếng. Hai người con bỏ làng vào Sài Gòn. Cha con ông phó lại dất dứu nhau về quê với hai bàn tay trắng.

Là người giữ chức trùm coi sóc họ lẻ, ông Huệ

không phân biệt lương, giáo. Ông bà hỏi vợ cho con, nhà thông gia đi lương. Lần đầu tiên, đám cưới nhà văn phá bỏ những ngăn trở cố hữu về tôn giáo.

Trần Hữu Tri học xong bậc Thành Chung ở Nam Định. Vốn giỏi tiếng Pháp, có người mời làm gia sư cho mấy cậu Tây, con chủ hãng rượu, máy nước. Chủ máy rượu muốn ông làm cho hãng, vốn ghét Tây, anh Tri từ chối.

Thân mẫu nhà văn - bà Trần Thị Minh vốn tham công tiếc việc, rời tay dệt là ra vườn. Đất Đại Hoàng vốn nhiều đặc sản quý. Vườn nhà nào cũng trầu không, chuối ngự... Trầu không Đại Hoàng nổi tiếng, mặt lá dày, vàng mỡ, ăn ngon hơn trầu nơi khác.

Giữ được trầu tồn bao công sức. Cây khó tính, đất vườn phải đảo bằng mai không dùng cuốc. Khi lên vòng, mỗi dây cắm một cây trúc làm thân tựa đỡ ngọn leo lên. Nuôi trầu khó nhất là vượt cặp. Nhìn giàn xanh, bốn mặt che gió, che sương, những cây trúc, cây dèo vươn tua tủa trông thật sừng sất. Ngày hái lá, các cô gái theo mẹ ra vườn, tay thoăn thoắt, miệng hát bài ca quen thuộc:

*Gặp đây ăn một miếng trầu  
Không ăn cầm lấy cho nhau bằng lòng  
Trầu này trầu tính trầu tình  
Ăn vào cho đỡ môi mình môi ta  
Yêu nhau đứng ở đằng xa  
Con mắt liếc lại bằng ba đứng gần  
Em còn son anh cũng còn son  
Ước gì ta được làm con một nhà...(1)*

Lá trầu như thắm hơn theo mỗi câu hát. Cứ hai chục lá chập thành một *chúc*. Bốn *chúc* một *tay*, đủ mười hai tay ba tấm xếp thành trăm trầu. Khách mua hàng của bà Minh không bao giờ phải đếm lại. Mỗi trăm trầu hơn ngàn lá, lá nào cũng tươi ngon. Trầu làng Hoàng theo thuyền vào tận xứ Thanh, xứ Nghệ làm thắm môi, ấm lòng bao người.

Cũng như các bà mẹ vùng quê bãi, bà Minh lúc gánh trầu, khi quẩy chuối, dậy tờ mờ đất, xuống chợ Viêng, chợ Rồng, Nam Định. Được vài hào lại mua gạo, cá, làm mắm tiếp tế cho con ăn học. Năm 1945, làng nhiều người chết đói, bà Minh còn cưu mang cả các con cháu từ Phúc Nhạc, Ninh Bình sang. Hàng xóm cơ nhỡ, bà

thường giúp đỡ. Tình thương của bà dành cho tám người con thật trọn vẹn.

Cụ Trần Hữu Huệ mất tại quê năm 1967, thọ 77 tuổi. Mười chín năm sau, cụ Trần Thị Minh, thân mẫu nhà văn cũng qua đời, hưởng thọ gần 90 tuổi.

---

(1) Dân ca Hà Nam

## NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN

Người làng quen gọi cụ Trần Khang Lân là thầy ký Lân. Trước khi mở trường dạy học, anh ký có cuộc đời nay đây mai đó. Chán cảnh tù túng, chàng trai đón tàu thủy tìm việc nơi kẻ chợ, mong muốn có nghề hữu ích. Tuy chưa học xong sơ học Pháp - Việt nhưng thạo tiếng Pháp thông dụng.

Trên đường tìm nghề, đến Tràng Đà, Yên Lĩnh vùng núi Tuyên Quang, anh Lân làm việc với chủ mỏ là kỹ sư Baperrins. Biết chàng trai thông minh, giao tiếp được tiếng Pháp, chủ yếu mهن, truyền nghề. Anh trở thành mineur (người thợ mỏ). Thấy của cải bị vợ vét vào túi bọn tư bản, vỡ mộng anh bỏ việc về quê. Vốn có kiến thức, ký Lân mở trường. Biết ông có học, huấn đạo Lý

Nhân cho phép mở trường tư tại làng. Thầy Lân dựng căn nhà lợp lá mía, đóng bàn ghế bằng xoan tre, xuống Nam Định mua sách về dạy. Trường học không tên nhưng các nhà rất muốn con em theo học thầy Lân, kể cả con cái hào phú trong làng...

Nam Cao được cha đưa đến trường, khi mới sáu tuổi. Trong số bạn nhỏ tuổi, thân nhất có Trần Khang Hộ con thầy Lân. Học trò quý thầy bởi dáng cao to, thuộc nhiều thơ phú, lại tài kể chuyện. Các phụ huynh còn thích vì học phí thấp (ba hào một kỳ) mà học trò lại nhanh giỏi. Khi trò mải chơi, không thuộc bài, thầy nhẹ nhàng nhắc nhở, không phải dùng đến thước và vọt tre. Hình ảnh thầy Lân, áo sơ-mi, quần lĩnh, đứng trước bàn giảng, làm sáng mắt học trò, nhất là Trần Hữu Tri.

Thầy dạy từ lớp một đến lớp ba. Trò được học các môn sử ký, địa lý, toán pháp và vệ sinh. Đặc biệt các giờ Pháp văn, như mở ra một cái gì đặc biệt khác hẳn cuộc sống tù túng chốn quê.

Từ bài học khai tâm này, trong lòng nhà văn tương lai có gì khác lạ. Tạm biệt trường quê, Nam Cao cùng năm người bạn về Nam Định học tiếp. Nam Định thời đó có ba trường: Bến Cui, Cửa Nam, Cửa Bắc. Trường Nam Cao theo học trên thành Nam Định cũ, phía Bắc thành phố nên gọi là trường Cửa Bắc. Trường được đặt tên một nhà chính khách Pháp là Giyn-pheri (Jules



*Ban Giám đốc Công an tỉnh Nam Hà tặng Chủ tịch nước Lê Đức Anh, phẩm vật chuối ngự Đại Hoàng trong dịp chuẩn bị thành lập CA tỉnh Hà Nam - CA tỉnh Nam Định.*

*Ảnh TL của gia đình Thiếu tướng Vũ Thuật  
Phó Tổng Cục trưởng, Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật (Bộ Công an)*



*Mùa hồng*

*Ảnh: QUỐC DŨNG*



VƯỜN NHÀ BÀ NGOẠI  
Ảnh: ĐỖ KÍCH



BÀ TRẦN THỊ MINH  
(1897 - 1986) MẸ và các  
em gái nhà văn



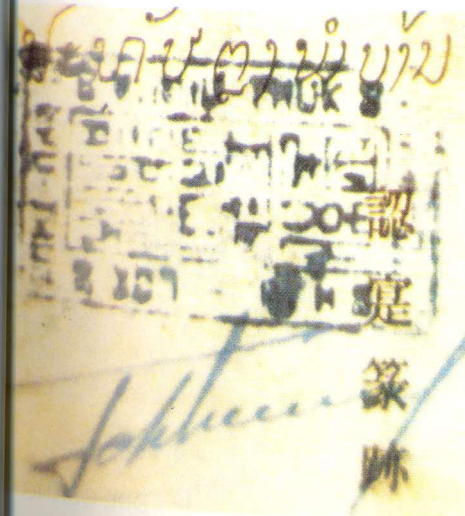
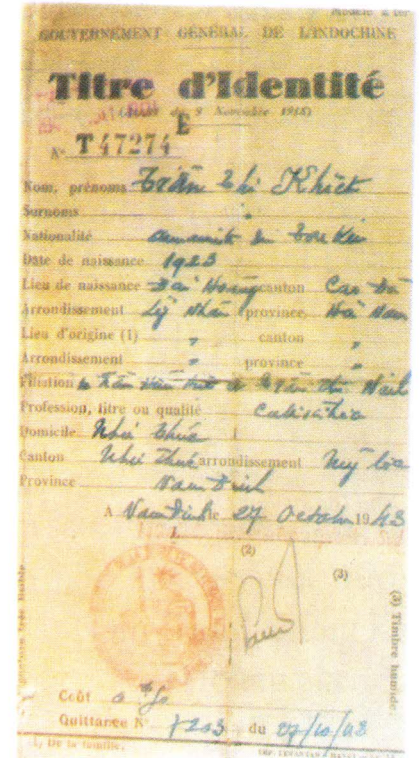
TRẦN THỊ TRẠCH  
(1929 - 1969)



TRẦN THỊ TRINH  
(1927 - 2009)



TRẦN THỊ KHIẾT  
(1920 - 1953)



\* Chứng minh thư do Sở mật thám  
Nam Định cấp cho bà Trần Thị Khiết  
đi Sài Gòn năm 1943.

\* Đồng triện và có chữ ký của  
lý trưởng Trần Công Kham  
(Mặt sau CMT)

Ảnh: NGUYỄN VĂN TĨNH



Nhà Thờ xứ Vinh Đà,  
nơi làm Lễ cưới nhà văn (1935)



\* Bà Trần Thị Sen (Người thứ nhất) với thi sỹ Anh Thơ (Người thứ hai từ phải sang - ảnh trên)  
tại quê hương nhà văn.

Ảnh: ĐỨC QUAN

\* Ngôi nhà Nam Cao năm 1942. Nhà cũ lợp lá mía, bán cho chủ mới, thay ngói, bó hiên.

Ferry), người chủ trương đánh chiếm Bắc Kỳ nên gọi là Ecole Jules Ferry (Theo Vũ Ngọc Lý). Hiệu trưởng trước người Pháp, sau mới là người Việt Nam. Trường có mười sáu lớp, chỉ có thầy Nguyễn Văn Luận có xe đạp (Theo hồi ký của nhà văn Nguyễn Công Hoan). Học xong trường này, Nam Cao thi đỗ trường Cao đẳng tiểu học Nam Định, là học trò thầy Dương Quảng Hàm, Vũ Tam Tập.

Từ năm 1917, việc học ở các tỉnh chia làm ba cấp sơ học, tiểu học và cao đẳng tiểu học. Tiểu học qua lớp nhì, lớp nhất, tương đương với lớp sáu, lớp bảy bây giờ. Học hết bậc mới thi lấy bằng sơ học Pháp - Việt trường Thành Chung. Nam Cao học ở Nam Định, chứng kiến cảnh "Sông kia rày đã nên đồng..." Vị Hoàng giang lấp dần, để lại tiếng khắc khoải gọi dò trong thơ Tú Xương.

Thầy giáo Trần Khang Lân mất năm 1945, thọ 59 tuổi, Nam Cao đã cùng các đồng môn đến viếng người thầy kính yêu.

## NGÀY CƯỚI

Đó là ngày mồng Hai tháng Mười năm Ất Hợi (1935). Ngày cưới, cô dâu Trần Thị Sen diện quần lĩnh mới, áo the đen, ngoài óng ả màu áo cẩm nhung, líu ríu theo các bà dì lên nhà thờ xứ Vĩnh Đà.

Nhà trai dẫn chú rể Trần Hữu Tri cũng quần trắng, áo lương. Hai họ rờn rấn theo đoàn người đội lễ bước vào nhà thờ xứ. Chưa có buổi lễ làm phép cưới nào mà hai họ, bạn bè, hàng xứ đến chật nhà thờ như lễ cưới này.

Vị linh mục vận lễ phục, chứng hôn hỏi:

- Các con có được tự do và ưng thuận muốn lấy nhau như phép giáo hội Mẹ thánh ta không?

Cô dâu e ấp đáp lời: Con muốn!

Vị linh mục đọc rằng: "Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp loài người không được phân ly, Amen".

Lời tôn nghiêm dứt, chú rể lồng nhẩn vào tay cô dâu, thánh đường vang vọng câu kinh: "Xin Chúa kiên

thủ, việc Chúa làm giữa chúng tôi đây". Kể từ phút ấy Trần Hữu Tri, đã có vợ là Trần Thị Sen.

Cô Sen làm dâu năm mười bảy tuổi. Cha là cụ Trần Duy Thản, làm chánh hội nên gọi là chánh Thản. Cụ Thản có ba vợ. Hai bà trước đã có con. Sau ông lấy bà ba là Trần Thị Quyên sinh được năm người con gái và một con trai, cô Sen là con gái thứ tư. Nhà đông chị em nên từ nhỏ, đã thạo canh cửi và việc nhà. Tuy cưới chạy tang ông Quản Nhã (em ruột ông ngoại Nam Cao), nhưng đám cưới được hai họ lo tươm tất.

Hai nhà kết thông gia, ngõ chung, vườn kè. Nhớ lại trước đó, có lần bà dì hỏi: Sau này cháu lấy ai? Sen bẽn lẽn cười:

- Cháu sẽ lấy anh đội mũ cát nhà cụ đồ.

Chẳng là thời ấy, mỗi khi từ Nam Định về làng, Nam Cao hay đội mũ cát, anh thường lân la bên vườn mỗi khi thấy Sen giúp mẹ hái trái. Hai nhà ước hẹn duyên lành từ năm cô mới 10 tuổi.

Nhà trai theo đạo Công giáo. Nhà gái đi lương nên trước lễ vu quy, cô dâu phải sang nhà bà Vân để học kinh bản. Cưới được một năm, tháng 10 năm 1936, khánh thành đường xe lửa Hà Nội - Sài Gòn. Cuối năm đó anh Tri vào Nam. Ba năm sau hai người sinh con gái đầu lòng đặt tên là Trần Thị Hồng. Sau chuyến đi Nam Bộ, Nam Cao bị bệnh tê chân, bà Sen phải chạy chữa mấy năm mới khỏi.



## NẾP NHÀ

Về gia cảnh của mình, nhà thơ Tú Xương có câu:

*Nhà gỗ năm gian lợp lá gồi  
Trông dòng sông Vị, tựa Non Côi...*

Nhà thơ Nguyễn Bính những năm 1960, công tác tại Ty Văn hoá Nam Định đã đôi lần thăm quê Nam Cao cùng cụ Nguyệt Hồ (người minh họa *Tiểu thuyết Thứ bảy*). Trước đó, có đoàn văn về Đại Hoàng, gồm Nguyệt Hồ (Vũ Tiến Đa), Ngọc Giao, Thâm Tâm. Cảnh nhà Nam Cao cùng như cảnh nhà người bạn trong thơ Nguyễn Bính(1):

*Nhà gianh thì sẵn đấy  
Vợ xấu có làm sao  
Cuộc kêu dài bãi sậy  
Hoa súng nở đầy ao...*

Theo lời bà Sen: Sau ngày cưới, vợ chồng bà được cụ đồ cho ở riêng, vợ chồng nhà văn đã phải ba lần làm nhà, mua nhà. Căn nhà cuối cùng ba gian, cột bằng xoan ngâm và lim, mái lợp lá mía, dựng trên đất mua của ông Luân bên bờ sông Châu, liền dậu với vườn nhà cụ Trùm San.

Ngoài căn buồng có cửa. Mỗi khi nhà văn Tô Hoài từ Hà Nội về, hai ông thường làm việc trong căn buồng này. Đến bữa, bà Sen nấu chuối xanh để chồng đãi bạn. Trên bàn gỗ sồi sài bao giờ cũng ủ tích chè xanh và đĩa trầu cau. Khách đến, Nam Cao vừa ăn trầu, vừa nói chuyện, gian ngoài, tối tối hạ mấy tấm phen liếp.

Còn căn nhà mua nguyên là của anh Tín con ông thợ đĩnh (2). Kẻ bán là người nhiều công nợ. Anh ta góa vợ, nuôi hai con nhỏ lại mắc tật máu mê cờ bạc. Khi chủ gọi bán, thực lòng nhà văn phân vân lắm. Nhưng nếu không mua, Tín cũng phải bán cho người khác, mà vợ chồng anh lại cần chỗ ở. Đến hôm dỡ, nhìn gia cảnh Tín mà đau xót. Nhà văn mượn lời viết thư cho bạn:

*"Tôi ác quá, ở cảnh chúng ta lúc này, hạnh phúc là cái chẵn quá hẹp. Người này co thì người kia lại hở. Giá như người ta vẫn có thể nghĩ đến mình mà chẳng thiết đến ai..."* (Mua nhà).

Ngày cất nhà, cụ đồ Huệ tự tay viết dòng chữ Nho

mừng con:

*Càn Nguyên Hanh Lợi Trinh*

Càn: trời; Nguyên: mở đầu; Hanh: thanh bạch; Lợi: sắc bén; Trinh: nguyên vẹn. Nghĩa là: như trời mở đầu sự thanh bạch, sắc bén và nguyên vẹn.

Dòng lạc khoản trên thượng lương: *Nhâm Ngọ niên mạnh đông* (Mùa đông năm Nhâm Ngọ, 1942). Nhà cất xong, được ba năm chưa kịp trả nợ, sợ Tây đốt nên phải bán giá 1.200 đồng cây dừa (tiền Đông Dương). Hiện ngôi nhà vẫn còn, chủ mới lợp ngói, làm nền, viền thêm. Khi Nam Cao ở, nhà lợp lá mía, nền đất. Những nút mây buộc kèo còn khá chắc. Chủ nhà là bà quản Thái, thọ 85 tuổi ở xóm 10 thôn Phù Nhị, xã Nhân Tiến (nay là xã Tiến Thắng, huyện Lý Nhân, Hà Nam).

---

(1) Nguyễn Bính (1918 - 1966) quê Thiện Vịnh, Vụ Bản, Nam Định. Thời chống Mỹ theo Ty Văn hoá Nam Hà, sơ tán về thôn Đức Bản xã Nhân Nghĩa huyện Lý Nhân, viết bài thơ cuối cùng và mất mùa xuân 1966, tại làng Mạc Hạ xã Công Lý cùng huyện. Bà Lai vợ nhà thơ cùng tổ đàn len về sơ tán tại làng Đại Hoàng.

(2) Thọ đỉnh: thọ chạm đồ gỗ thờ tự.

## NGƯỜI VỢ <sup>(1)</sup>

Giữa tháng 8-1984, Ban Văn học Việt Nam hiện đại, Viện Văn học chúng tôi cùng với một số anh em trong Hội văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh đến thăm xã Hòa Hậu, quê hương Nam Cao. Ở hội trường xã, chúng tôi gặp vợ nhà văn - bà Trần Thị Sen, năm ấy gần 70 tuổi. Dáng bà cao, mặt trái xoan, mắt to. Đôi mắt quả là đẹp khi còn trẻ. Đến nay, đôi mắt vẫn sâu thẳm, xa xăm, có sức thu hút người. Lần đầu tiên, tôi hỏi bà: ông Nam Cao chắc hay ghen lắm phải không bà? Bà cười, không trả lời. Khuôn mặt bà như đắm vào một dĩ vãng xa xôi...

---

(1) Tên cũ: *Hồi ký của vợ nhà văn Nam Cao*. (BT)

Gia đình nhà chồng tôi có đông anh em, năm trai, ba gái. Bốn người đã mất. Anh Nam Cao là con trưởng. Anh được bố mẹ yêu quý. Anh là niềm tự hào của gia đình. Nhà hai đũa chúng tôi ở gần nhau. Gia đình anh hỏi tôi từ lúc lên mười. Nhưng đến năm mười bảy tuổi mới cưới. Tôi còn nhớ chúng tôi lấy nhau vào tháng mười. Rồi đến tháng Mười Hai, anh Nam Cao đi vào Sài Gòn.

Anh Nam Cao dáng cao, mắt đẹp, nước da trắng. Cháu Thành rất giống anh về vóc dáng và cả về tính nết. Tính anh trầm lặng, ít nói. Thoạt mới gặp nhiều người cảm thấy khó gần, nhưng đã quen nhau thì anh nói chuyện rất thân tình, cởi mở. Tính anh thẳng, có gì không bằng lòng nói ngay. Tôi còn nhớ, anh Nam Cao ít về quê, nhưng mỗi lần anh về chỉ muốn tôi ở nhà, không cho đi làm, không cho chạy chợ (tôi đi buôn tằm). Có lần anh về, tôi lại đi suốt ngày, anh tỏ ra không vui. Tối về, anh nói với tôi: "*Chả lẽ tôi về với cái nhà à?*". Anh chỉ nói thế, nhưng tôi hiểu ngay, anh đang giận tôi lắm. Thế là từ đó, mỗi lần anh về, tôi chỉ ở nhà trông con, khâu vá. Cũng từ đó, tất cả quần áo rách của mẹ và của con, tôi cất lại, dùng để vào những ngày anh ở nhà.

Năm 21 tuổi, tôi mới sinh cháu đầu lòng, cháu Hồng.

Nay cháu làm cán bộ tổ chức Viện dệt Nam Định (trong truyện, nhà tôi gọi là Hường).

Nhà tôi rất chiều con. Anh không hề đánh con. Có lần Mai Thiên hờn, khóc rất dai, tôi mặc kệ. Anh lại đến dỗ dành Thiên, nói khéo là thầy rất đói, Mai Thiên có thể giúp thầy đi mua cái bánh đa được không. Thế là Mai Thiên hết khóc và chạy vội vào tôi xin tiền đi mua bánh đa. Hai bố con vui vẻ ăn bánh đa.

Có những lần thấy quần áo các cháu rách quá, anh rất buồn, bảo tôi cố vá cho chúng. Anh thường an ủi tôi, thế nào con của chúng ta cũng sẽ có áo đẹp. Ngồi vá quần áo cho con, mà nước mắt tôi cứ chảy.

Tuy nghèo, nhưng gia đình tôi thật êm ấm. Anh Nam Cao không bao giờ nặng lời với tôi. Năm tôi đẻ cháu Thành, anh cũng chỉ nghỉ được ở nhà một thời gian để nấu cơm và giặt giũ cho tôi. Việc nhà, anh chỉ biết nấu cơm, không biết làm thức ăn. Anh rất thích ăn canh cua; và nhất là thích ăn những bữa cá do Mai Thiên đi câu về. Mai Thiên câu rất tài, thường xuyên có cá đem về nhà. Nói thật ra, anh ăn uống giản dị. Không nghiện chè, thuốc. Có biết uống rượu, nhưng không nghiện. Đã uống thì rất thích uống cho thật say, rồi ngủ luôn.

Nhà tôi thường viết vào buổi sáng. Chiều, anh hay

dắt con đi chơi. Bạn thân nhất của anh là anh Tô Hoài. Có khi anh Tô Hoài về Đại Hoàng; ở hàng tháng nơi nhà tôi. Còn anh Nam Cao cũng ở hàng tháng nhà anh Tô Hoài. Anh Tô Hoài rất thích ăn cá kho, kiểu quê tôi, kho thật khô, để lâu mấy cũng được. Mỗi lần anh Tô Hoài về, thế nào tôi cũng chuẩn bị một nồi cá kho ngon cho anh ấy ăn. Hai anh quán quýt nhau lắm. Những năm đói, người anh vợ của Tô Hoài đã giúp anh Tô Hoài một tạ gạo, một tạ đậu. Nhờ có số lương thực đó mà gia đình anh Tô Hoài và gia đình tôi qua được những ngày thiếu ăn căng thẳng.

Cho đến bây giờ, anh Tô Hoài vẫn chăm sóc gia đình tôi chu đáo. Lúc anh Nam Cao còn sống, anh thường mong ước sau này hai gia đình sẽ trở thành sui gia. Rất buồn và tiếc là các cháu lại không hợp nhau.

Nhớ lại ngày anh Nam Cao chia tay lần cuối với tôi. Anh ấy nói lần ấy, anh sẽ đi công tác vào vùng địch hậu. Anh bảo tôi may cho anh hai bộ quần áo nâu. Tôi còn nhuộm thêm cho anh cái khăn quần đầu màu nâu. Đêm trước ngày đi, anh cầm đèn soi nhìn các con yêu. Thấy các con gầy yếu, anh nấn đi, nấn lại chân tay các cháu.

Sáng ra đi, tôi tiễn anh một khúc đường. Anh nói chuyện vui, chẳng lẽ để tôi đỡ buồn. Anh bảo, anh sẽ cố

viết một truyện về làng chúng tôi, truyện ấy nhất định sẽ hay. Sẽ có tiền nhuận bút mua sắm thêm cho các con. Tôi nhớ, lần anh nhận món tiền nhuận bút quyển Chí Phèo, lúc đó có tên là Đồi lúa xứng đôi. Nhưng rồi, món nhuận bút đó về đến nhà không còn đồng nào, vì anh đem đãi bạn bè món thịt chó hết cả.

Tôi sống chính bằng làm ruộng, buôn tằm và dệt vải. Đời sống cũng không đến nỗi túng thiếu.

Các anh, các chị hỏi tôi về gia đình anh Nam Cao. Bố anh ấy buôn đồ gỗ ở thành phố Nam Định. Cửa hàng cụ sản xuất các loại kiệu, trạm. Mẹ anh dệt vải. Bà ngoại anh rất khó tính. Cụ rất phong kiến, tính hay nói. Cụ chỉ có mình mẹ anh Nam Cao. Chúng tôi không dám nói chuyện với nhau trước mặt cụ. Có lần tôi mệt, anh Nam Cao giặt hộ quần áo cho tôi một cách lén lút, sợ cụ biết. Lúc giặt xong, anh cứ để quần áo trong chậu để tôi dậy phơi. Anh thường khuyên tôi: "Bà có nói gì, cứ để bà nói. Nhịn là tốt nhất". Cuộc đời cụ rất khổ, chồng chết sớm, cụ một mình vất vả nuôi con.

Và do yêu anh Nam Cao, tôi chịu đựng tất cả những lời mắng mỏ của bà, nhiều khi ức và oan uổng quá tôi chỉ khóc thầm.

Đẻ cháu Hồng được 5 tháng, chúng tôi ra ở riêng.

Nhà nhỏ, lợp bằng tranh. Xóm chúng tôi, vốn cũng ít nhà ngói. Lần tôi mua nhà của người chủ, vợ chết, hay đánh bạc, nhưng thua. Anh Nam Cao rầy la tôi mãi về chuyện này. Tính anh nhân hậu, rất thương người, nên xảy ra chuyện mua nhà như vậy, lòng anh day dứt mãi.

Chúng tôi có bốn con, Hồng là cháu gái đầu lòng, mấy cháu sau toàn là trai: Cháu Thiên, Thành, Thực. Cháu Trần Thị Hồng hiện nay đã có bằng đại học, làm công tác tổ chức ở Viện dệt Nam Định. Cháu Trần Mai Thiên, kỹ sư học ở Liên Xô, hiện nay làm Phó giám đốc trạm cá nước ngọt ở Đình Bảng. Trần Hữu Thành, làm cán bộ tổ chức ở Xí nghiệp Sơn Nam, Nam Định. Trần Hữu Thực, Bí thư Thanh niên Nhà máy dệt Nam Định. Chỉ có cháu Bình Yên chết năm đói kém...

Các cháu đã trưởng thành cả. Đều là đảng viên. Lại nhớ lại từ giữa 1947, anh Nam Cao ở Việt Bắc luôn. Thịnh thoảng mới về thăm nhà. Cuối 1949, gia đình tôi về Đồng Nhuệ, bấy giờ là xã Nhân Nghĩa. Tôi cũng đi tản cư. Sống bằng nghề buôn bán lặt vặt và làm ruộng.

Rất tiếc là nhà tôi chưa biết mặt cháu Thực. Lúc có thai cháu, anh ấy cười bảo tôi, nhất định lần này, tôi lại đẻ con trai. Nhà tôi rất yêu và thích con gái. Anh ấy thấy bọn con trai quá nghịch. Trong gia đình, cháu Hồng là

thiệt thòi nhất. Cháu hay nhường nhịn các em. Vì chiều em, cháu phải thôi học, giúp mẹ chăm sóc các em. Anh Nam Cao buồn vì thấy con phải thôi học, anh nói với tôi, nhất định sẽ có ngày, nhà ta khá lên, chúng mình sẽ cho Hồng học mãi, học đến lúc không muốn học nữa thì thôi.

Nhà tôi đi được một thời gian có gửi tiền về. Số tiền đó, tôi lại không nhận được. Anh Tô Hoài lại gửi tiếp tiền cho tôi.

Khi cháu Thực được 5, 6 tháng thì có tin đồn về là anh Nam Cao đã hy sinh. Tôi cuống lên nhưng không tin. Sau nghe nói lại là "Văn Cao" chứ không phải Nam Cao. Nhưng rồi có tin báo, anh hy sinh thật. Cơ quan cử người về, đem cho tôi một áo sơ-mi cỏ úa, một bộ quần áo nâu, một nửa đồng cân vàng của anh gửi lại trước khi vào địch hậu.

Sau khi anh Nam Cao mất, cháu Thiên được anh Tô Hoài đem về chăm sóc, cho đi học. Rồi Thiên được đi học nước ngoài. Họ hàng chú bác nhà tôi và cả nhà anh Nam Cao ai cũng rất nghèo. Chẳng ai giúp đỡ được ai. Tôi làm ruộng, buôn vặt. Hồng phải vất vả, chăm sóc em, ở cơ quan có đề nghị sẽ đem hài cốt anh Nam Cao về làng nhưng bố chồng tôi sợ phiền mọi người, lại sợ nguy

hiếm nên đề nghị cơ quan cứ để anh nằm yên ở ven sông. Tôi nát cả lòng nhưng cũng đồng ý. Tôi lao và làm việc để quên buồn. Tôi nhớ lời anh dặn dò, tôi cố gắng làm lụng để nuôi con.

Ngày nay, nhìn các con đã trưởng thành, tôi hả dạ. Tôi thấy mình xứng đáng với lòng tin của nhà tôi. Đến nay, tôi vẫn đi bán trâu vò. Tôi vẫn theo lời anh Nam Cao, cố sống không dựa vào ai, dù là con.

*Bà Trần Thị Sen - kể*

*Vân Thanh - ghi*

*(Tập chí Văn học, số 5 - 1987)*

## **MƯỜI NĂM CUỐI ĐỜI** **(1941 - 1951)**

## LÀM THƠ

Đối với đông đảo bạn đọc, Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc. Nhưng, ít ai biết trong cuộc đời cầm bút, ông đã từng làm thơ từ ngày ngồi trên ghế nhà trường.

Ông đã đăng nhiều bài thơ với bút danh Nhiều Khê. Tài liệu của các nhà nghiên cứu Hà Minh Đức, Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Hoàn Khung và nhà văn Tô Hoài... thì Nam Cao có đăng mấy bài thơ trên báo Hà Nội Tân Văn ký tên là Nguyệt (bản thảo bị mất).

Theo họa sĩ Nguyệt Hồ, khoảng năm 1937-1939 Nam Cao đã gửi thơ cho các báo *Ngày Nay*, *Tiểu thuyết Thứ bảy*, *Ích Hữu*... với các bút danh Thúy Rư, Nhiều Khê. Khi làm báo Cứu Quốc tại Việt Bắc, Nam Cao làm ca dao ký tên là Suối Trong.

Giai đoạn đầu, Nam Cao viết thơ về tình yêu, mang tâm hồn mơ mộng, lãng mạn như thơ thời đó.

Một đoạn trong bài *Nếu ta bảo - Tiểu thuyết thứ bảy* số 228 ngày 8-10-1938:

*Nếu bảo rằng yêu em lắm  
Thì biết đâu em phụ lòng ta  
Biết đâu cái miệng đôi môi thắm  
Không sẵn sàng nở nụ cười hoa.*

Vết ngày qua, *Tiểu thuyết thứ bảy* số 200 ngày 26-3-1938 có đoạn:

*...Em ơi anh hiểu lòng em lắm  
Bây giờ em chỉ biết yêu anh  
Yêu bằng cả tình yêu say đắm  
Yêu đến mê man chẳng thiết mình.*

Cạnh những bài thơ có tính lãng mạn, Nam Cao đã làm thơ về những người nghèo khổ bất hạnh. Xúc động trước cảnh bà già mù kêu khóc vì đứa cháu bị ô tô cán, nhà văn viết *Tiếng khóc bên đường*:

*Bà ngồi giữa đống bùn dính máu  
Hai tay khô run rẩy ôm đầu  
Hay khờ khoạng kiếm tìm hình cháu  
Nhưng mà ôi còn biết tìm đâu!*

Năm 1939 - 1941, dạy học ở trường tư thục Công Thanh đường Thụy Khuê (Hà Nội), có người hành khất ngày ngày kiếm ăn trước cổng trường:

*Hôm qua có lão ăn xin  
Có hai con mắt chẳng nhìn thấy chi  
Ba chân khập khiễng vừa đi  
Miệng kêu trời đất, chết đi cho rồi  
Sống mà cực khổ ở đời  
Cũng nên cầu Phật chết rồi cho xong!*

Còn một giọng thơ hài hước, cười ra nước mắt:  
*Chớ thấy áo ngắn mà cười  
Chớ thấy áo dài mà sang  
Bởi không áo ngắn phải mang áo dài  
Những giống gà nòi lông nó lơ thơ...*

---

*Tham khảo tư liệu của Hà Bình Trị.*



## DẶN EM

*Em còn đang độ thơ ngây  
Khuyên em, em phải tính ngày lớn lên  
Cuộc đời là cuộc đua chen  
Khôn ngoan thì thắng, ngu hèn thì thua  
Trăm năm trong cuộc ganh đua  
Ngọt bùi thì ít, cay chua thiếu gì  
Đường đời em đã trót đi  
Trót đi thì bước, bước đi hơn người.*

*(Ông Trần Hữu Đạt em trai nhà văn cung cấp)*

## NGÀY XUÂN

*Cái kiếp con nhà văn  
Cứ mỗi độ sang xuân  
Lại cảm lẫn cảm lóc  
Như trâu bò liệt gân  
Họ ca những bông tươi  
Và ca những làn môi  
Của những nàng xuân nữ  
Bên những hoa mỉm cười.  
Trên cành trĩu dầm mưa  
Lộc mới đua nhau nở  
Xuân đến óc nhà thơ  
Nâng vọt bao thi tứ  
cũng là một thi nhân  
Những khi buông cán cuốc  
Ta cũng thấy lòng xuân  
Ngây ngất như say thuốc.  
Bu em, mẹ đi đâu  
Vui nôi com mau mau  
Rồi lên đây uống nước  
Để tôi tặng vài câu...*

*(Bài đăng số Tết báo Ngày Nay, ký tên Nhiêu Khê.  
Bài thơ được báo trao giải nhì, không có giải nhất).*